

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH



ISO 9001:2015

NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO

**QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ
DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

LUẬN ÁN TIỀN SĨ LUẬT KINH TẾ

TRÀ VINH, NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO

**QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ
DOANH NGHIỆP ĐẦU GIÁ TÀI SẢN**

Ngành: Luật kinh tế

Mã ngành: 9380107

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học:

- PGS. TS. Nguyễn Ngọc Điện
- TS. Nguyễn Anh Tuấn

TRÀ VINH, NĂM 2024

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACC	China Auctioneers Association (Hiệp hội đấu giá viên Trung Quốc)
CPTPP	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)
CTĐGHD	Công ty đấu giá hợp danh
CTHD	Công ty hợp danh
DN	Doanh nghiệp
DNĐGTN	Doanh nghiệp đấu giá tư nhân
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
ĐGTS	Đấu giá tài sản
ĐGV	Đấu giá viên
EEA	European Economic Area (Khu vực kinh tế châu Âu)
EU	European Union (Liên minh châu Âu)
EVFTA	European-Vietnam Free Trade Agreement (Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu)
GDP	Gross Domestic Product (Tổng sản phẩm trong nước)
HĐTV	Hội đồng thành viên
LDN	Luật Doanh nghiệp
LĐGTS	Luật Đấu giá tài sản
NCS	Nghiên cứu sinh
TPP	Trans-Pacific Partnership Agreement (Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương)
TVHD	Thành viên hợp danh
USD	United States Dollar (Đô la Mỹ)
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Đầu giá tài sản (ĐGTS) đã hình thành và phát triển từ lâu ở các nước theo cơ chế kinh tế thị trường, với bản chất là một ngành, nghề kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận khổng lồ. Ở Việt Nam, ĐGTS hình thành từ thời kỳ Pháp thuộc, do các hồ giá viên thực hiện¹. Từ Nghị định số 86-CP ngày 19/12/1996, hoạt động bán ĐGTS chính thức trở thành hoạt động chuyên nghiệp và được ghi nhận là một ngành, nghề kinh doanh với sự tham gia của các doanh nghiệp (DN) thuộc khu vực tư. ĐGTS, theo sự phát triển của nền kinh tế - xã hội đất nước, tiếp tục được ghi nhận trong Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP. Trải qua một thời gian dài bị “bó buộc” trong khuôn khổ một Nghị định, với vị trí và vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế, ĐGTS hiện nay đã được chính thức điều chỉnh bởi Luật Đầu giá tài sản (LĐGTS). Hoạt động ĐGTS không chỉ được điều chỉnh trực tiếp bởi LĐGTS mà nó còn được quy định trong nhiều văn bản khác.

Với mục đích hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro cho các chủ thể tham gia quan hệ ĐGTS, LĐGTS đã có quy định hoàn toàn mới so với các Nghị định trước đây về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, khi đặt các quy định của LĐGTS về DN ĐGTS trong bối cảnh chung với các văn bản pháp luật khác có liên quan ở Việt Nam cũng như pháp luật các nước trên thế giới, mục đích của LĐGTS khó có thể đạt được.

Với “vỏ bọc” là một ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, một số quy định của LĐGTS lại can thiệp quá nhiều vào hiệu quả kinh doanh của DN, vấn đề mà vốn dĩ chịu sự quyết định của các quy luật kinh tế thị trường. Mặt khác, chế tài đối với DN ĐGTS liên quan đến thành lập DN chưa tương xứng với chế tài đối với các DN khác và chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc, toàn diện để áp dụng trên thực tế.

Bên cạnh đó, một số quy định về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS làm hạn chế quyền tự do của DN trong tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh. Chế tài liên quan đến quá trình hoạt động của DN ĐGTS thiếu thuyết phục. Đặc biệt là thiếu cơ sở pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với DN ĐGTS nói riêng, pháp nhân thương mại nói chung trong hoạt động ĐGTS. Chế tài đối với DN ĐGTS như vậy là chưa đủ sức răn đe.

Vì những lý do đó, nghiên cứu sinh (NCS) quyết định chọn đề tài: ***“Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đầu giá tài sản”*** cho Luận án tiến sĩ luật học của mình. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các quy định pháp

¹ Sắc lệnh ngày 02/9/1935 được bổ khuyết bởi các Sắc lệnh ngày 06/12/1936, ngày 12/5/1937, ngày 07/4/1938 và ngày 04/5/1938 quy định thể lệ về hồ giá viên; Nghị định ngày 02/8/1933 được sửa đổi do Nghị định ngày 31/01/1934 ấn định tiền lệ phí về việc bán đầu giá ở phòng đầu giá

luật về DN ĐGTS, NCS chỉ ra một số hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành. Đồng thời, nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan của Việt Nam cũng như đối chiếu, so sánh với pháp luật các nước trên thế giới như Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ (Washington, Florida, Texas, Alabama), kết hợp các lý thuyết, học thuyết có liên quan, NCS đưa ra các đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS nói riêng, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

2.1 Mục tiêu nghiên cứu

Thực hiện đề tài này, Luận án hướng đến mục tiêu là làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về DN ĐGTS và quy chế pháp lý về DN ĐGTS, nghiên cứu chuyên sâu và chỉ ra các bất cập, hạn chế của hệ thống quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS. Từ đó, Luận án đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật đó – một bộ phận không thể tách rời trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, Luận án nghiên cứu, đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài Luận án, chỉ ra các khoảng trống chưa được nghiên cứu của các công trình đó. Từ đó, Luận án xây dựng định hướng nghiên cứu.

Hai là, Luận án phân tích chuyên sâu các vấn đề lý luận về DN ĐGTS và quy chế pháp lý về DN ĐGTS.

Ba là, Luận án đi sâu nghiên cứu, phân tích và chỉ ra các hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Bốn là, Luận án tìm hiểu, phân tích chuyên sâu và chỉ ra những hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật về quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS trong quá trình DN hoạt động.

Năm là, Luận án nghiên cứu, phân tích và học hỏi kinh nghiệm pháp luật của các nước trên thế giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam, đồng thời kết hợp với các học thuyết, lý thuyết có liên quan để đưa ra các đề xuất mới sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS, nhằm hướng đến mục tiêu hoàn thiện pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là các vấn đề lý luận về DN ĐGTS, quy chế pháp lý về DN ĐGTS và hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN

ĐGTS. Bên cạnh đó, Luận án còn nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ, các lý thuyết, học thuyết kinh tế, pháp lý có liên quan đến Luận án.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

3.2.1 Phạm vi nghiên cứu về nội dung

Luận án tập trung nghiên cứu các khía cạnh pháp luật DN đối với DN ĐGTS. Trong phạm vi Luận án này, NCS tập trung nghiên cứu chuyên sâu quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS, bao gồm các quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS.

3.2.2 Phạm vi nghiên cứu về không gian và thời gian

Về không gian: Luận án nghiên cứu hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh chung đối với tất cả các DN ĐGTS trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam, trong mối tương quan so sánh với pháp luật của Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ.

Về thời gian: Luận án chủ yếu phân tích hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam trong phạm vi từ ngày Luật Đấu giá tài sản năm 2016 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2017) đến nay. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày 01/7/2017 cũng được đề cập sơ lược để thấy được bức tranh toàn diện quá trình thay đổi, phát triển của quy chế pháp lý về DN ĐGTS đến thời điểm hiện tại.

4. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1 Phương pháp luận

Phương pháp luận duy vật lịch sử biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học sau: phương pháp phân tích - tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp lịch sử - logic, phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp, phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp thu thập số liệu.

5. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục từ viết tắt, các phụ lục, Luận án được kết cấu gồm 4 Chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài và định hướng nghiên cứu.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Chương 3: Quy chế pháp lý về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Chương 4: Quy chế pháp lý về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản.

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
1.1 TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG
VÀ NGOÀI NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY CHẾ PHÁP LÝ
VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1.1.1 Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

1.1.1.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến khái niệm và bản chất pháp lý của đấu giá tài sản

Có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau: Brian Learmount (1985), *A history of the auction*; Paul R. Milgrom (1985), *Auction theory*; Vijay Krishna (2002, 2010), *Auction theory*; Oliver Kirchkhamp và Wladislaw Mill (2021), *Spite vs. risk: Explaining overbidding in the second-price all-pay auction: A theoretical and experimental investigation*; Caroline Banton (2021), *Auction*; Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*; Davis W. Pearce (1999), *Từ điển Kinh tế học hiện đại*; Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*; Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật dân sự (tập 2)*; Viện Khoa học pháp lý (2011), *Hoàn thiện pháp Luật về Bán đấu giá tài sản tài sản nhằm thúc đẩy thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*; Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Tập II*; Nguyễn Mạnh Cường (2013), *Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại ở Việt Nam*; Học viện Tư pháp (2014), *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*; Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật thương mại, Tập II*; Lê Thị Hương Giang (2019), *Bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự ở Việt Nam*; Học viện Tư pháp (2020), *Giáo trình nghiệp vụ đấu giá tài sản (Tập 1 - Phần chung)*; Đoàn Văn Hường (2021), *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam*; Nguyễn Thị Thu Hồng (2022), *Pháp luật về đấu giá tài sản công ở Việt Nam hiện nay*.

1.1.1.2 Các công trình nghiên cứu liên quan đến doanh nghiệp đấu giá tài sản

a. Các công trình nghiên cứu liên quan đến khái niệm, đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Chủ yếu là các khái niệm được đề cập trong các văn bản pháp luật của các nước. Bên cạnh đó, có thể kể đến các công trình sau: Trần Tiến Hải (2015), *Thực hiện pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay*; Đoàn Văn Hường (2021), *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam*.

b. Các công trình nghiên cứu liên quan đến điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

NCS chủ yếu đề cập đến các quan điểm pháp lý của Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản và một số tiểu bang của Hoa Kỳ. Bên cạnh đó là những công trình nghiên cứu chung về điều kiện đầu tư kinh doanh ở Việt Nam: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Ngân hàng thế giới (2017), *Báo cáo rà soát điều kiện kinh doanh và quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam*; Nguyễn Am Hiếu (2017), *Tình hợp lý của pháp luật trong việc giới hạn quyền tự do kinh doanh*; Nguyễn Đăng Duy (2018), *Tự do lựa chọn mô hình kinh doanh - Biểu hiện của quyền tự do kinh doanh*; Trần Thị Quang Hồng (2019), *Điều kiện kinh doanh là công cụ quản lý nhà nước trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*; Nguyễn Như Chính (2020), *Kiểm soát điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam*.

Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu về điều kiện thành lập DN kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp: Trần Văn Công (2019), *Tổ chức hành nghề luật sư theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*; Hoàng Mạnh Thắng (2022), *Tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo pháp luật Việt Nam hiện nay*.

Đặc biệt, có những công trình, tuy không trực tiếp nghiên cứu về điều kiện thành lập DN ĐGTS nhưng cũng có một số giải pháp liên quan đến vấn đề này: Viện Khoa học pháp lý (2011), *Hoàn thiện pháp Luật về Bán đấu giá tài sản nhằm thúc đẩy thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam*; Trần Tiến Hải (2015), *Thực hiện pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay*; Học viện Tư pháp (2014), *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*; Đỗ Hoàng Yên (2016), *Xây dựng Luật Đấu giá tài sản đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*; Học viện Tư pháp (2020), *Giáo trình Nghiệp vụ đấu giá tài sản (Tập 1 - Phần chung)*.

c. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau: Hongbin Cai, J. Vernon Henderson và Qinghua Zhang (2013), *China's land market auctions: evidence of corruption*; Neil Brodie (2019), *The "Art World" of the auction houses: The role of professional experts*; Học viện Tư pháp (2014), *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*; Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa (2016), *Nhận diện và điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản*; Học viện Tư pháp (2020), *Giáo trình Nghiệp vụ đấu giá tài sản, Tập 1 - Phần chung*.

d. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Có các công trình nghiên cứu sau: Christine Riefa và Jojo Y.C. Mo (2016), *Mind the gap: Modelling the liability of online auction*

intermediaries and market places in Hong Kong on the EU Regime; Học viện Tư pháp (2014), *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*; Nguyễn Thị Loan và Võ Thị Thanh Linh (2019), *Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại – Những bất cập và kiến nghị hoàn thiện*; Học viện Tư pháp (2020), *Giáo trình Nghiệp vụ đấu giá tài sản, Tập 1 - Phần chung*; Đoàn Văn Hoàng (2021), *Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản*; Đoàn Văn Hoàng (2021), *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam*; Nguyễn Thị Thúy Hằng (2022), *Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện*.

1.1.2 Đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản và các vấn đề được tiếp tục nghiên cứu trong Luận án

1.1.2.1 Đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, về khái niệm và bản chất pháp lý của ĐGTS. Các công trình nghiên cứu đều nêu bật được các đặc tính của đấu giá là tính công khai và cạnh tranh. Hơn nữa, bản chất pháp lý và kinh tế của đấu giá cũng được các tác giả khai thác, phân tích. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này chưa đặt đấu giá vào vị trí trung tâm trong mối quan hệ tổng hòa với các yếu tố, chủ thể khác, chưa xem xét đấu giá với vai trò là ngành, nghề kinh doanh. Mặc dù vậy, các khái niệm ĐGTS cũng như những phân tích về bản chất của ĐGTS trong các công trình nghiên cứu đã được công bố cũng là nền tảng lý luận ở các khía cạnh, phương diện khác nhau để NCS có thể kế thừa và đưa một khái niệm ĐGTS mới gắn liền với bản chất của nó trong tất cả các mối quan hệ với các yếu tố khác.

Thứ hai, về khái niệm và đặc điểm, vai trò của DN ĐGTS. Các khái niệm trong các công trình nghiên cứu trong nước, ở góc độ tiếp cận thực tiễn pháp luật, cũng chỉ mang tính chất trình bày lại các quy định của pháp luật Việt Nam về DN này ở từng giai đoạn. Chưa có một quan điểm nào tiếp cận khái niệm DN ĐGTS ở phương diện lý luận. Bản chất của DN ĐGTS cũng chưa xem xét toàn diện.

Thứ ba, về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Các công trình nghiên cứu về điều kiện thành lập DN, điều kiện thành lập DN kinh doanh các ngành, nghề thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, mặc dù không trực tiếp phân tích các điều kiện thành lập DN ĐGTS nhưng cũng có ý nghĩa nền tảng lý luận để NCS có thể so sánh, kế thừa trong quá trình phân tích, nhận định, đánh giá và đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật cụ thể về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Bên cạnh đó, cũng có các công trình nghiên cứu đề cập một phần nhỏ đến điều kiện thành lập DN đấu giá. Đa số là các công trình được thực hiện trước khi LĐGTS được ban hành. Các đề xuất của các tác giả trong

các công trình nghiên cứu đó hầu như đã được LDGTS tiếp thu và ghi nhận vào các quy định về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Riêng các công trình nghiên cứu điều kiện thành lập DN ĐGTS trên cơ sở các quy định của LDGTS thì đều chỉ dừng lại ở mức độ liệt kê các quy định của pháp luật mà không có bất kỳ nhận định, đánh giá nào về sự phù hợp hay không phù hợp của những điều kiện này với yêu cầu, đòi hỏi, vị trí, vai trò của ngành, nghề này trên thị trường. Đây chính là khoảng trống để NCS tiếp tục có các nghiên cứu chuyên sâu về điều kiện thành lập DN ĐGTS dựa trên nền tảng pháp lý đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam.

Thứ tư, về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Các công trình nghiên cứu của các tác giả ngoài nước cho thấy vai trò của các chuyên gia đấu giá nói riêng, DN ĐGTS nói chung trong việc lựa chọn kiểu đấu giá và nhận diện các tiêu cực trong các kiểu đấu giá. Các công trình nghiên cứu trong nước đã công bố chỉ dừng lại ở mức độ khái quát được nền tảng pháp lý về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Tuy nhiên, các công trình này chưa tiếp cận hệ thống và các phân tích chuyên sâu về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Đây chính là khoảng trống để NCS, trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu từ các công trình này, tiếp tục đi sâu phân tích, nhận định, đánh giá quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quá trình hoạt động của DN.

Thứ năm, về chế tài đối với DN ĐGTS. Đa số các công trình nghiên cứu trong nước tập trung phân tích các hành vi vi phạm của DN ĐGTS và vấn đề xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi này, cả về phương diện pháp luật điều chỉnh và thực tiễn. Các công trình này cũng đã cho thấy được bức tranh pháp lý và thực tiễn tổng thể về vi phạm của DN ĐGTS và xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS. Tuy nhiên, một số công trình nghiên cứu dựa trên nền tảng pháp lý là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Nghị định số 110/2013/NĐ-CP đến nay đã hết hiệu lực thi hành. Trách nhiệm hình sự đối với DN ĐGTS cũng là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

1.1.2.2 Các vấn đề được tiếp tục nghiên cứu trong Luận án

Một là, NCS kế thừa nền tảng lý luận ở các khía cạnh, phương diện khác nhau từ các công trình nghiên cứu đã công bố và đưa một khái niệm ĐGTS mới gắn liền với bản chất của nó trong tất cả các mối quan hệ với các yếu tố khác.

Hai là, kết quả từ các công trình nghiên cứu về khái niệm DN ĐGTS cũng được NCS kế thừa để nhận diện và đưa ra một khái niệm DN ĐGTS mới gắn liền với đầy đủ các đặc điểm, vai trò của nó ở các địa vị pháp lý khác nhau.

Ba là, NCS tiếp cận và kế thừa các công trình liên quan đến điều kiện thành lập DN kinh doanh các ngành, nghề thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, nền tảng lý luận và các lý thuyết, học thuyết có liên quan từ các công

trình nghiên cứu về điều kiện thành lập DN nói chung cùng với các công trình nghiên cứu về điều kiện kinh doanh, để phân tích, nhận định, đánh giá và đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật cụ thể về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Các công trình nghiên cứu trực tiếp về điều kiện thành lập DN ĐGTS mặc dù dựa trên nền tảng pháp lý đến nay hầu hết đã hết hiệu lực thi hành nhưng kết quả nghiên cứu từ các công trình này cũng được NCS kế thừa để nhận diện những thay đổi của pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam. Tuy nhiên, một số quy định về điều kiện thành lập DN ĐGTS hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tế, chưa tạo động lực cho DN hoạt động và phát huy vai trò của mình. Do đó, nó cần được định hướng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đây chính là những nội dung mà NCS sẽ đi sâu phân tích, đánh giá và đưa ra các đề xuất trong Luận án của mình.

Bốn là, kế thừa kết quả từ các công trình nghiên cứu ngoài nước về vai trò của các chuyên gia đầu giá, DN ĐGTS, về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quan hệ pháp luật giữa DN với người có tài sản đầu giá và người mua được tài sản đầu giá, NCS sẽ có những phân tích hệ thống, chuyên sâu, đồng thời đưa ra các nhận định, đánh giá về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS cũng như thực tế thực thi quyền và nghĩa vụ này. Đặc biệt là quyền chủ động, sáng tạo trong lựa chọn kiểu đầu giá và tổ chức cuộc đầu giá. Bên cạnh đó, nhận thấy các công trình nghiên cứu chưa tiếp cận quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong các mối quan hệ với Nhà nước và trong các mối quan hệ nội bộ của DN. Đây chính là khoảng trống để NCS khai thác, nghiên cứu, phân tích có hệ thống và chuyên sâu trong Luận án.

Năm là, kết quả từ các công trình về xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS được NCS kế thừa trong phân tích lịch sử pháp luật nói chung, xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS nói riêng. Hơn nữa, chế tài đối với DN ĐGTS bên cạnh chế tài hành chính còn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, chế tài thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Những vấn đề này chưa được nghiên cứu thấu đáo, toàn diện trong các công trình đã công bố. Đây chính là khoảng trống để NCS luận bàn, phân tích chuyên sâu trong Luận án này. Bên cạnh đó, xem xét trách nhiệm hình sự đối với DN ĐGTS cũng là vấn đề được nghiên cứu chuyên sâu trong Luận án.

1.2 NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI KHOA HỌC CỦA LUẬN ÁN

1.2.1 Đóng góp mới về lý luận

NCS đưa ra một khái niệm mới về ĐGTS, DN ĐGTS trên cơ sở có kế thừa kết quả từ các công trình nghiên cứu đã công bố và hệ thống lý luận mới về quy chế pháp lý về DN ĐGTS.

1.2.2 Đóng góp mới về thực tiễn

Thứ nhất, Luận án chỉ ra những hạn chế và định hướng sửa đổi, bổ sung nền tảng pháp lý về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Thứ hai, Luận án chỉ ra những bất cập, hạn chế, thiếu sót và đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS.

Thứ ba, Luận án chỉ ra sự thiếu thống nhất, đồng bộ, thuyết phục và toàn diện, đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về chế tài đối với DN ĐGTS.

1.3 LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.3.1 Các lý thuyết liên quan đến bản chất pháp lý của đấu giá tài sản

Lý thuyết đấu giá, học thuyết tự do ý chí.

1.3.2 Các lý thuyết liên quan đến đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Lý thuyết về tự do kinh tế, thuyết cân bằng tổng quát, lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội, lý thuyết nền kinh tế hỗn hợp.

1.3.3 Các lý thuyết liên quan đến điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

Học thuyết pháp luật tự nhiên, học thuyết pháp luật thực định, học thuyết quy phạm học.

1.3.4 Các lý thuyết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Lý thuyết pháp luật, học thuyết bàn tay vô hình, học thuyết bàn tay hữu hình, học thuyết đại diện, quy luật của kinh tế thị trường: quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung - cầu.

1.3.5 Các lý thuyết liên quan đến chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Lý thuyết pháp luật theo quan điểm của các tác giả Jeremy Bentham, John Austin.

1.4 CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.4.1 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu chính

Câu hỏi nghiên cứu chính: Cần có những giải pháp gì để hoàn thiện quy chế pháp lý về DN ĐGTS đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền đối với hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật điều chỉnh DN ĐGTS nói riêng: dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh?

Giả thuyết nghiên cứu: hệ thống quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay còn nhiều rào cản đối với DN ĐGTS, quyền tự do kinh doanh của DN chưa được đảm bảo, chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc để

DN thực hiện và phát huy vai trò trung gian hữu hiệu trong mua bán tài sản.

1.4.2 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu phụ

1.4.2.1 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến lý luận về doanh nghiệp đầu giá tài sản và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đầu giá tài sản

Câu hỏi nghiên cứu 1: DN ĐGTS là gì?

Giả thuyết nghiên cứu: ở Việt Nam, chưa có nền tảng pháp lý cho khái niệm DN ĐGTS.

Câu hỏi nghiên cứu 2: DN ĐGTS có những đặc điểm, vai trò gì giống và khác so với các DN khác trên thị trường?

Giả thuyết nghiên cứu: cũng là một DN thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường, DN ĐGTS có những đặc điểm, vai trò như các DN kinh doanh các ngành, nghề khác ngoài lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. Bên cạnh đó, xuất phát từ đặc thù ngành, nghề kinh doanh, DN ĐGTS còn có những đặc điểm, vai trò đặc trưng khác với các DN khác trên thị trường. Chính vì vậy, quy chế pháp lý về DN ĐGTS bao gồm quy chế pháp chung như các DN khác và quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS.

Câu hỏi nghiên cứu 3: quy chế pháp lý về DN ĐGTS được xây dựng dựa trên các nguyên tắc nào?

Giả thuyết nghiên cứu: ở Việt Nam, quy chế pháp lý về DN ĐGTS chưa được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cụ thể, khoa học, chưa phát huy được hiệu quả điều chỉnh của pháp luật, chưa tạo được môi trường thuận lợi cho DN tự do hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.4.2.2 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu về điều kiện thành lập doanh nghiệp đầu giá tài sản

Câu hỏi nghiên cứu 1: để có đầy đủ tư cách pháp lý bước vào thị trường kinh doanh dịch vụ ĐGTS, thực hiện quyền tự do kinh doanh của một chủ thể kinh doanh và thực hiện tốt vai trò cầu nối của mình, DN ĐGTS cần phải đáp ứng những điều kiện nào?

Giả thuyết nghiên cứu: pháp luật đặt ra điều kiện để DN được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS là cần thiết. Tuy nhiên, các điều kiện mà pháp luật hiện hành quy định đối với DN ĐGTS chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo trật tự, an toàn xã hội của ngành, nghề này.

Câu hỏi nghiên cứu 2: các điều kiện mà pháp luật đặt ra để DN ĐGTS được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS nhằm mục đích bảo vệ những lợi ích mà Nhà quan tâm, bao gồm cả lợi ích công và lợi ích tư, trong đó có cả lợi ích của chính DN, đồng thời định hướng cho DN thực hiện hiệu quả vai trò trung gian của mình, nếu DN ĐGTS có vi phạm liên quan đến điều kiện mà pháp luật quy định thì chế tài đối với DN là gì?

Giả thuyết nghiên cứu: mức xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS nhẹ hơn rất nhiều so với các DN khác, đã tạo ra sự bất bình đẳng

giữa các DN cùng hoạt động trong nền kinh tế. Ngoài ra, pháp luật chưa tạo được nền tảng pháp lý đầy đủ, toàn diện để có thể áp dụng chế tài thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS triệt để vào thực tế.

1.4.2.3 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Câu hỏi nghiên cứu 1: trong quan hệ nội bộ, DN ĐGTS được pháp luật ghi nhận các quyền và nghĩa vụ gì để vừa thực hiện quyền tự do kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận vừa thực hiện tốt vai trò trung gian của mình?

Giả thuyết nghiên cứu: quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quan hệ nội bộ DN bộc lộ nhiều hạn chế, một số quy định còn sơ sài, thiếu chặt chẽ, dẫn đến hệ quả khó thực thi quyền và nghĩa vụ đó trên thực tế.

Câu hỏi nghiên cứu 2: để đạt được mục đích của một chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế và thực hiện tốt vai trò trung gian, kích thích người mua, người bán lựa chọn đấu giá, DN ĐGTS được pháp luật ghi nhận các quyền và nghĩa vụ gì trong quan hệ với các thực thể ngoài DN?

Giả thuyết nghiên cứu: quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quan hệ với các thực thể ngoài DN chưa tạo điều kiện cho DN quyền chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, hạn chế việc phát huy vai trò trung gian của DN trong mua bán tài sản.

1.4.2.4 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quá trình hoạt động

Câu hỏi nghiên cứu: làm thế nào để phát huy hiệu quả của trách nhiệm pháp lý đối với DN ĐGTS khi DN thực hiện các hành vi mà pháp luật cấm hoặc DN không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý của mình?

Giả thuyết nghiên cứu: các quy định pháp luật về chế tài đối với DN ĐGTS chưa đầy đủ, toàn diện, dẫn đến hệ quả thiếu cơ sở, nền tảng pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm của DN trên thực tế.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN VÀ QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

2.1 KHÁI QUÁT VỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

2.1.1 Khái niệm đấu giá tài sản

ĐGTS là hình thức mua bán tài sản khách quan, công khai, minh bạch, dựa trên các quy luật kinh tế thị trường, thông qua đơn vị trung gian chủ yếu là các DN chuyên nghiệp, nhằm lựa chọn được người mua tài sản là người trả giá cao nhất trong số những người mua tiềm năng và đã thanh toán đầy đủ giá bán tài sản theo nguyên tắc tương ứng với từng kiểu đấu giá, được thể hiện trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

2.1.2 Bản chất pháp lý của đấu giá tài sản

Để xác định rõ bản chất pháp lý của đấu giá cần đặt đấu giá vào vị trí trung tâm giữa các chủ thể có liên quan đến đấu giá. Trong đó bao gồm:

(1) Quan hệ giữa người có tài sản đầu giá và DN ĐGTS được LĐGTS năm 2016 nhìn nhận bản chất của quan hệ này là hợp đồng dịch vụ - hợp đồng dịch vụ ĐGTS; (2) Quan hệ giữa DN ĐGTS và người tham gia đầu giá cũng được nhìn nhận là quan hệ hợp đồng với bản chất gần như là hợp đồng môi giới; (3) Quan hệ giữa người trúng đầu giá và người có tài sản đầu giá cũng được nhận diện là quan hệ hợp đồng với bản chất là hợp đồng mua bán tài sản. Có ba nguyên tắc cơ bản được thừa nhận trong pháp luật hợp đồng Việt Nam: nguyên tắc tự do hợp đồng (tự do ý chí), nguyên tắc thiện chí và nguyên tắc áp dụng tập quán². Do đó, trong quan hệ giữa các chủ thể này, các nguyên tắc hợp đồng cần được tôn trọng. Nhà nước chỉ can thiệp bằng pháp luật khi nhận thấy cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng, đề phòng các hành vi tiêu cực, bảo vệ trật tự xã hội, trật tự kinh tế.

2.2 KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

2.2.1 Khái niệm doanh nghiệp đầu giá tài sản

DN ĐGTS là DN thành lập, tổ chức theo quy định của pháp luật, kinh doanh dịch vụ ĐGTS, trung gian trong hoạt động mua bán tài sản, vì mục đích tìm kiếm giá trị thực của tài sản, bảo đảm quyền lợi của người bán, đáp ứng nhu cầu của người mua và lợi nhuận của DN.

2.2.2 Đặc điểm doanh nghiệp đầu giá tài sản

2.2.2.1 Doanh nghiệp đầu giá tài sản là chủ thể kinh doanh

DN ĐGTS được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận quyền tự do kinh doanh. Quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS cũng có những giới hạn nhất định với mục tiêu bảo vệ quyền của các chủ thể khác có liên quan.

2.2.2.2 Doanh nghiệp đầu giá tài sản được thành lập, tổ chức và hoạt động gắn liền với đặc trưng ngành, nghề kinh doanh

(1) DN ĐGTS được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về DN, pháp luật về ĐGTS và các văn bản pháp luật khác có liên quan; (2) DN ĐGTS chỉ được thành lập theo một trong hai loại hình DN là DNTN hoặc CTHD; (3) DN ĐGTS phải do ĐGV thành lập hoặc tham gia thành lập; (4) DN ĐGTS chỉ được kinh doanh một ngành, nghề duy nhất - dịch vụ ĐGTS; (5) Quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN đầu giá gắn liền với hoạt động ĐGTS; (6) Hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS vừa thực hiện mục đích kinh doanh của DN vừa đóng vai trò là hoạt động hỗ trợ tư pháp; (7) Hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS luôn gắn với tài sản của cá nhân, tổ chức khác; (8) DN ĐGTS luôn gắn với tư cách pháp lý của nhà đầu tư trong nước.

2.2.3 Vai trò của doanh nghiệp đầu giá tài sản

2.2.3.1 Trong quan hệ với người có tài sản đầu giá

² Ngô Huy Cương (2013). *Giáo trình Luật hợp đồng – Phần chung*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Trang 152-173; Trần Kiên và Nguyễn Khắc Thu (2019). Khái niệm hợp đồng và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật hợp đồng Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (2+3), [<http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210246>] (truy cập ngày 08/8/2023)

(1) DN ĐGTS đóng vai trò là đầu mối, tập hợp nhiều người tham gia đấu giá, thông qua trả giá cạnh tranh nhằm làm rõ giá trị thực của tài sản đấu giá; (2) Đặc biệt hơn nữa, ở Việt Nam, DN ĐGTS với vai trò là đơn vị trung gian, khách quan tổ chức đấu giá, có ý nghĩa mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; (3) DN ĐGTS, thông qua ĐGV, là bên thứ ba đứng ra đàm phán, thương lượng để tìm “tiếng nói chung” của người mua và người bán trên cơ sở cân đối lợi ích của cả hai bên.

2.2.3.1 Trong quan hệ với người tham gia đấu giá

(1) DN ĐGTS, thông qua các chuyên gia đấu giá, có những tác động pháp lý và đạo đức có liên quan đến nguồn gốc của các sản phẩm được chào bán; (2) DN ĐGTS là cầu nối để người tham gia đấu giá có cơ hội tiếp cận và xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đấu giá, đặc biệt là những tài sản quý hiếm khó tìm kiếm trên thị trường; (3) DN ĐGTS giúp người tham gia đấu giá xác định được giá trị của tài sản, đặc biệt là những tài sản khó tìm được nên tăng từ thị trường như cổ vật, tác phẩm nghệ thuật,...

2.3 NỘI DUNG VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

2.3.1 Khái niệm quy chế pháp lý và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

2.3.1.1 Khái niệm quy chế pháp lý

Quy chế pháp lý là một hệ thống các quy phạm có tính bắt buộc chung, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, điều chỉnh toàn diện một đối tượng nhất định.

2.3.1.2 Khái niệm quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Quy chế pháp lý về DN ĐGTS là hệ thống các quy phạm có tính bắt buộc chung, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong suốt quá trình thành lập, hoạt động, chấm dứt hoạt động của DN ĐGTS.

2.3.2 Nội dung và vị trí của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

2.3.2.1 Nội dung của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, nhóm quy phạm điều chỉnh các quan hệ phát sinh khi thành lập DN ĐGTS, cụ thể là quan hệ giữa người thành lập DN và Nhà nước; thứ hai, nhóm quy phạm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình hoạt động của DN ĐGTS; thứ ba, nhóm quy phạm về chế tài/trách nhiệm pháp lý của DN ĐGTS.

2.3.2.2 Vị trí của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Thứ nhất, trong phạm vi hệ thống pháp luật quốc gia. Quy chế pháp lý về DN ĐGTS vẫn chưa thực sự hoàn thiện, chưa đồng bộ, thống nhất với các quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, trong quan hệ với pháp luật quốc tế. Quy chế pháp lý về DN ĐGTS của Việt Nam đang đứng ở vị trí độc lập, tách rời, không có sự kết nối và có nhiều khác biệt với pháp luật quốc tế.

2.3.3 Nguyên tắc xây dựng quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

(1) Đảm bảo quyền tự do kinh doanh; (2) Thực hiện các cam kết của Việt Nam tại các Điều ước quốc tế; (3) Phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; (4) Phát huy vai trò của DN ĐGTS; (5) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan đến ĐGTS.

CHƯƠNG 3

QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.1 ĐIỀU KIỆN VỀ HÌNH THỨC PHÁP LÝ VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.1.1 Hình thức pháp lý của doanh nghiệp đấu giá tài sản

DN ĐGTS chỉ được tổ chức theo mô hình CTHD và DNTN.

3.1.2 Ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Hiện nay LĐGTS chỉ cho phép DN ĐGTS được kinh doanh dịch vụ ĐGTS. Tuy nhiên, dịch vụ ĐGTS là ngành, nghề kinh doanh mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường ở Việt Nam³. Trong khi đó, ĐGTS là ngành, nghề thu hút đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước mà còn có nhiều sức hút với nhà đầu tư nước ngoài ở các nước trên thế giới.

3.2 ĐIỀU KIỆN VỀ CHỦ THỂ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.2.1 Chủ thể thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

Ở Việt Nam, DN ĐGTS phải được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi ĐGV⁴. Hầu hết các quốc gia đều không đặt ra điều kiện người thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV.

Điều b khoản 1 Điều 177 LDN năm 2020 quy định TVHD phải là cá nhân. Trên thực tế, việc xác định tài sản của cá nhân là việc không đơn giản.

3.2.2 Tiêu chuẩn đấu giá viên và hình thức hành nghề của đấu giá viên tại doanh nghiệp đấu giá tài sản

3.2.2.1 Tiêu chuẩn đấu giá viên

Một là, tiêu chuẩn về nhân thân: là công dân Việt Nam thường trú tại

³ Khoản 5 Mục A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP

⁴ Điều a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt⁵. Đảm bảo tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật là khắc khe và rất khó kiểm soát.

Hai là, tiêu chuẩn về chuyên môn: phải có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học thuộc một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng⁶. Đây có thể được xem là tiêu chuẩn khác biệt của pháp luật Việt Nam so với pháp luật của các nước trên thế giới về tiêu chuẩn đối với ĐGV. Pháp luật các nước chú trọng nền tảng kiến thức về chuyên môn đầu giá hơn là nền tảng kiến thức chuyên ngành của ĐGV.

Ba là, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: phải tốt nghiệp khoá đào tạo nghề đầu giá, trừ trường hợp được miễn đào tạo nghề đầu giá⁷. LĐGTS còn đặt ra điều kiện, người đáp ứng cả hai tiêu chuẩn trên phải có thời gian làm việc trong lĩnh vực được đào tạo từ 03 năm trở lên mới được tham gia khoá đào tạo nghề đầu giá, với thời gian 06 tháng⁸. (1) LĐGTS và các văn bản hướng dẫn thi hành không hướng dẫn các giấy tờ chứng minh cho điều kiện này; (2) mặt khác, ở Việt Nam, thời gian đào tạo chuyên môn đầu giá chỉ có 06 tháng; (3) cơ sở đào tạo nghề đầu giá là Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp. Chương trình khung của khoá đào tạo nghề đầu giá do Học viện Tư pháp phối hợp với Cục Hỗ trợ tư pháp xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành⁹; (4) Hơn nữa, nếu như ở Việt Nam, những trường hợp được miễn đào tạo nghề đầu giá đều tập trung vào những người có kinh nghiệm làm việc trong các ngành, nghề hỗ trợ tư pháp, ở Pháp, Trung Quốc, các tiểu bang của Hoa Kỳ, lại là người đã có kinh nghiệm trong tổ chức, điều hành các cuộc đấu giá.

Bốn là, tiêu chuẩn kinh nghiệm trong chuyên môn đầu giá: đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đầu giá¹⁰. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 LĐGTS năm 2016, để được tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đầu giá, cá nhân đều phải trải qua thời gian 06 tháng tập sự hành nghề đầu giá tại tổ chức hành nghề đầu giá. Hội đồng kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập.

3.2.2.2 Hình thức hành nghề của đầu giá viên tại doanh nghiệp đầu giá tài sản

Quy định tại khoản 3 Điều 18 LĐGTS về các hình thức hành nghề của ĐGV tại DN ĐGTS còn thiếu chặt chẽ, đặc biệt là đối với ĐGV đã tham gia thành lập CTĐGHD với tư cách là TVHD. Bên cạnh tham gia

⁵ Khoản 1 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

⁶ Khoản 2 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

⁷ Khoản 3 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

⁸ Điều 11 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

⁹ Điều 2, Điều 3 Thông tư số 06/2017/TT-BTP

¹⁰ Khoản 4 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

thành lập, ĐGV vẫn có thể góp thêm vốn điều lệ hoặc mua phần vốn góp của thành viên trong CTĐGHD khác.

3.3 CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.3.1 Tên doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, việc gắn ngành, nghề kinh doanh vào tên của DN ĐGTS là không cần thiết. Nó không có ý nghĩa làm nâng cao trách nhiệm của DN hay khách hàng sẽ tìm đến DN.

Thứ hai, LĐGTS không có bất kỳ hướng dẫn nào về tra cứu tên DN ĐGTS, để tránh việc đặt tên DN bị trùng hoặc nhầm lẫn với các DN khác trong phạm vi cả nước.

3.3.2 Trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Điều kiện về cơ sở vật chất mà LĐGTS Việt Nam đặt ra đối với DN ĐGTS thực chất là không rõ ràng. Hơn nữa, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa ảnh hưởng đến trật tự, lợi ích công cộng đến mức cần phải có sự can thiệp của Nhà nước.

3.3.3 Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản

Hiện nay, ở Việt Nam, việc cho phép DN ĐGTS được thành lập và quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ ĐGTS là thẩm quyền của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi DN đặt trụ sở, cơ quan quản lý DN ĐGTS trong cả nước là Bộ Tư pháp. Công tác quản lý về hoạt động hành nghề của DN ĐGTS, của ĐGV của các cơ quan này khó đảm bảo tính chuyên nghiệp và sâu sát.

3.4 CHẾ TÀI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN KHI VI PHẠM CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

3.4.1 Xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Một là, hình thức xử lý đối với Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS và Chứng chỉ hành nghề đấu giá không được quy định rõ trong Nghị định số 82/2020/NĐ-CP và cả LĐGTS, đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động của DN.

Hai là, chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động DN của DN ĐGTS nhẹ hơn so với các DN khác.

3.4.2 Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản

LĐGTS không quy định về việc tạm ngừng kinh doanh dịch vụ ĐGTS đối với DN đấu giá trong trường hợp DN không đảm bảo điều kiện hoạt động. Điều này sẽ gây ra những hệ lụy nhất định đặc biệt là trong trường hợp hết thời hạn 30 ngày mà DN vẫn không bổ sung được

các điều kiện hoạt động, DN bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Đồng thời, dẫn đến sự không thống nhất giữa LĐGTS với pháp luật về DN và pháp luật về đầu tư.

3.5 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

3.5.1 Về hình thức pháp lý của doanh nghiệp đầu giá tài sản

Ở Việt Nam, các DN ĐGTS chủ yếu có quy mô nhỏ, chính vì vậy, với cơ cấu tổ chức đơn giản, CTHD và DNTN như quy định hiện nay là phù hợp. Khi hoạt động kinh doanh ĐGTS của các DN đầu giá ngày càng khẳng định được vai trò trung gian hữu hiệu của mình trong mua bán tài sản, quy mô của các DN ĐGTS được mở rộng hơn so với hiện nay, khi đó, pháp luật Việt Nam cần cân nhắc đến việc “cởi trói” dân cho DN ĐGTS về điều kiện này như pháp luật các nước trên thế giới.

3.5.2 Về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đầu giá tài sản

Vấn đề hạn chế quyền kinh doanh đa ngành của DN đầu giá nên tiếp tục duy trì trong tương lai nhằm đảm bảo được tính chuyên nghiệp của DN, đồng thời cũng phù hợp với năng lực quản lý DN của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp.

Đối với mô hình CTĐGHD, pháp luật Việt Nam nên cho phép nhà đầu tư nước ngoài được liên doanh với ĐGV để thành lập và hoạt động. Tuy nhiên, chỉ nên đưa ngành, nghề này vào nhóm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, DN ĐGTS có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên chỉ được tổ chức đầu giá động sản.

3.5.3 Về chủ thể thành lập doanh nghiệp đầu giá tài sản

Một là, việc tiếp tục duy trì điều kiện chủ thể thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV là phù hợp và cần thiết ở Việt Nam.

Hai là, LDN cần bổ sung thêm chủ thể trở thành TVHD trong cả hai loại hình CTHD bên cạnh cá nhân còn có pháp nhân như kinh nghiệm của pháp luật các nước trên thế giới. Riêng đối với CTĐGHD, đương nhiên phải có ít nhất một TVHD là ĐGV và những TVHD còn lại có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

3.5.4 Về tiêu chuẩn đầu giá viên

Một là, đối với tiêu chuẩn về nhân thân, khoản 1 Điều 10 LĐGTS năm 2016 nên tách thành hai khoản như sau:

“1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.

1a. Không thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; đã bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các tội về tham nhũng kể cả trường hợp đã được xóa án tích.

b) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai

nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”.

Theo đó, quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 15 LĐGTS năm 2016 cũng cần được bãi bỏ.

Mặt khác, cần bổ sung thông tin về tiền sự của cá nhân trong phiếu lý lịch tư pháp hoặc có thể tích hợp các thông tin về tiền án, tiền sự của cá nhân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo việc vận hành liên thông và thống nhất giữa các cơ sở dữ liệu điện tử này.

Hai là, tiêu chuẩn về chuyên môn, khoản 2 Điều 10 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *“2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, các nhóm ngành về kỹ thuật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.*

Ba là, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và kinh nghiệm hành nghề, Điều 11 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Đào tạo nghề đấu giá

1. Người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Luật này được tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá.

2. Thời gian khoá đào tạo nghề đấu giá là 12 tháng. Người hoàn thành khoá đào tạo nghề đấu giá được cơ sở đào tạo nghề đấu giá cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề đấu giá”.

Khoản 2 Điều 13 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *“2. Thời gian tập sự hành nghề đấu giá là 12 tháng. Thời gian tập sự hành nghề đấu giá được tính từ ngày tổ chức đấu giá tài sản thông báo danh sách người tập sự hành nghề đấu giá tại tổ chức mình cho Sở Tư pháp nơi tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở”.*

Khoản 3 Điều 13 LĐGTS cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *“3. Người tập sự hành nghề đấu giá được hướng dẫn các kỹ năng hành nghề và thực hiện các công việc liên quan đến đấu giá tài sản do đấu giá viên hướng dẫn phân công và chịu trách nhiệm trước đấu giá viên hướng dẫn về những công việc đó. Người tập sự hành nghề đấu giá điều hành cuộc đấu giá dưới sự giám sát của đấu giá viên hướng dẫn. Đấu giá viên hướng dẫn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các cuộc đấu giá do mình giám sát người tập sự thực hiện”.*

Bốn là, học hỏi kinh nghiệm của Pháp, Trung Quốc và các tiểu bang của Hoa Kỳ, một vấn đề cấp thiết ở Việt Nam là cần phải thành lập ngay một Hiệp hội ĐGV, với các chuyên gia am hiểu tường tận, có kiến thức chuyên môn đấu giá, thậm chí có thể mời các chuyên gia đấu giá nước ngoài. Hiệp hội sẽ đảm nhận cả việc xây dựng khung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề, cấp chứng chỉ hành nghề và quản lý cả đội ngũ ĐGV trong cả nước.

Năm là, LĐGTS có thể học hỏi kinh nghiệm từ Pháp, các tiểu bang

của Hoa Kỳ, bổ sung những trường hợp được miễn đào tạo nghề là những người có kinh nghiệm liên quan đến ĐGTS như các chuyên gia trong nghiên cứu về cổ vật, tác phẩm nghệ thuật. Việc kiểm tra và công nhận trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của những người được miễn đào tạo nghề đấu giá cũng phải được tiến hành bởi cơ quan chuyên môn là Hiệp hội ĐGV.

3.5.5 Về hình thức hành nghề của đấu giá viên

Khoản 3 Điều 18 LĐGTS năm 2016 nên được sửa đổi, bổ sung như sau: “3. Việc hành nghề của đấu giá viên quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện thông qua việc thành lập, làm thành viên hoặc làm việc theo hợp đồng lao động tại doanh nghiệp đấu giá tài sản. Mỗi đấu giá viên chỉ được hành nghề tại một doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

3.5.6 Về tên doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, khoản 2 Điều 23 LĐGTS năm nên được sửa đổi như sau: “2. Tên của doanh nghiệp đấu giá tư nhân do chủ doanh nghiệp lựa chọn, tên của CTĐGHD do các thành viên thỏa thuận lựa chọn và theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp”.

Thứ hai, Điều 27 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 27. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động hoặc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đặt trụ sở; công bố nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản”.

3.5.7 Về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của doanh nghiệp đấu giá tài sản

LĐGTS của Việt Nam nên loại bỏ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với DN ĐGTS. Đương nhiên, DN ĐGTS vẫn phải đảm bảo yêu cầu về trụ sở theo quy định của LDN.

3.5.8 Về cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thành lập một cơ quan chuyên môn với các chuyên gia trong lĩnh vực ĐGTS để cấp phép cũng như quản lý quá trình hoạt động của các DN ĐGTS ở Việt Nam là vấn đề thật sự cần thiết vào thời điểm này. Theo kinh nghiệm của các nước như Pháp, Hoa Kỳ, Trung Quốc,... bên cạnh thành lập Hiệp hội ĐGV, còn phải mở rộng nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội ĐGV đối với việc cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động của

các DN ĐGTS ở Việt Nam. Hiệp hội ĐGV sẽ bao gồm các chuyên gia đấu giá, am hiểu tường tận, có khả năng phân tích, đánh giá, nhận diện các tiêu cực của ĐGV, DN ĐGTS, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá trong quá trình tổ chức thực hiện đấu giá. Đồng thời, xây dựng một văn bản phối hợp công việc giữa Hiệp hội ĐGV, Bộ Tư pháp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình Hiệp hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3.5.9 Về chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, có thể bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 16 LĐGTS năm 2016 như sau: *“e) Trường hợp khác theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật”*.

Thứ hai, điểm d khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *“đ) Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật”*.

Thứ ba, cần tách điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thành một khoản riêng với mức xử phạt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, tương xứng với mức xử phạt đối với cùng một hành vi của các DN khác được quy định tại Điều 43 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP.

Thứ tư, điểm a khoản 2 Điều 32 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *“a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp có văn bản yêu cầu doanh nghiệp đấu giá tài sản đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu; trong thời hạn nêu trên, doanh nghiệp đấu giá tài sản phải tạm ngừng hoạt động; hết thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp đấu giá tài sản vẫn không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này thì Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp”*.

CHƯƠNG 4

QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

4.1 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRONG QUAN HỆ NỘI BỘ DOANH NGHIỆP

4.1.1 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong thiết lập cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

4.1.1.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Trong DN ĐGTS, ít nhất ĐGV cũng cần phải có nhân viên hỗ trợ một số công việc liên quan đến ĐGTS. Tuy nhiên, bộ phận nghiệp vụ này chưa được ghi nhận bằng các quy định cụ thể trong LĐGTS.

4.1.1.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

a. Đối với doanh nghiệp đấu giá tư nhân

Thứ nhất, với quy định của LĐGTS, ĐGV là chủ DNĐGTN, đồng thời là Giám đốc DN, so với LDN năm 2020 chưa thật sự thống nhất.

Thứ hai, nếu ĐGV là chủ DNĐGTN không được thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, mà phải tự mình kiêm các chức vụ này trong DN, quy định này đã đồng nhất giữa hoạt động quản lý, điều hành DN và hoạt động nghề nghiệp của ĐGV. Trong khi đó, hai hoạt động này đòi hỏi năng lực, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ hoàn toàn khác biệt.

b. Đối với công ty đầu giá hợp danh

Thứ nhất, mô hình CTHD ở Việt Nam tuy chỉ có một nhưng bao hàm trong đó cả hai loại hình công ty đối nhân theo pháp luật các nước. Quy định mang tính “hỗn hợp” và cơ cấu tổ chức công kênh của CTHD theo pháp luật Việt Nam cũng gây ra không ít khó khăn cho việc hội nhập quốc tế của mô hình công ty này.

Pháp luật về DN của Việt Nam bắt buộc CTHD luôn phải có HĐTV. Với cơ cấu tổ chức quản lý công kênh như quy định của LDN sẽ gây mất thời gian và cả chi phí cho công ty.

Thứ hai, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc CTĐGHD cũng phải là ĐGV. Hơn nữa, với quy định hiện nay của LDN, CTHD không được thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chức vụ này phải do TVHD công ty đảm nhận. Có hai vấn đề cần bàn ở đây. Một, không ghi nhận quyền thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đối với CTHD đã làm hạn chế đi quyền của công ty so với các loại hình DN khác. Hai, đối với CTĐGHD, ĐGTS là hoạt động nghề nghiệp của ĐGV, không thể đồng nhất hoạt động nghề nghiệp với hoạt động quản trị công ty.

4.1.2 Quyền và nghĩa vụ của của doanh nghiệp đầu giá tài sản đối với đầu giá viên

4.1.2.1 Quyền của doanh nghiệp đầu giá tài sản

Quy định về nhận tập sự và phân công ĐGV trong DN hướng dẫn tập sự chưa thực sự rõ ràng, thỏa đáng.

4.1.2.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đầu giá tài sản

Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp luôn gắn với hoạt động hành nghề của ĐGV. Ngoài ra, trong hoạt động của DN ĐGTS, không thể không tính đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của DN do những nhân viên khác gây ra cho khách hàng. Đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại này trong DN ĐGTS hoàn toàn không có nguồn tài chính nào chia sẻ với DN ngoài năng lực tài chính của chủ sở hữu DN và của DN.

4.2 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP ĐẦU GIÁ TÀI SẢN TRONG QUAN HỆ VỚI CÁC THỰC THỂ NGOÀI DOANH NGHIỆP

4.2.1 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đầu giá tài sản trong quan hệ với Nhà nước

4.2.1.1 Quyền của doanh nghiệp đầu giá tài sản

DN ĐGTS cũng có quyền được Nhà nước đối xử bình đẳng, tạo mọi điều kiện thuận lợi từ khi DN thành lập đến quá trình hoạt động của DN.

4.2.1.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, DN ĐGTS có nghĩa vụ lập và lưu trữ Sổ theo dõi tài sản đấu giá, Sổ đăng ký đấu giá tài sản¹¹. Việc tách ra và bắt buộc DN đấu giá phải ghi chép và lưu trữ cả hai loại sổ này vừa mất thời gian, vừa gây rườm rà trong lưu trữ hồ sơ đấu giá.

Thứ hai, DN ĐGTS có nghĩa vụ đề nghị Sở Tư pháp nơi tổ chức có trụ sở cấp, thu hồi Thẻ đấu giá viên¹². Điều 3 và Điều 5 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP lại quy định khác nhau về giá trị sử dụng của Thẻ ĐGV. Với quy định hiện nay của LĐGTS và văn bản hướng dẫn thi hành, có ba vấn đề đặt ra:

Một là, Thẻ ĐGV đã không còn giá trị sử dụng khi ĐGV không còn hành nghề tại DN ĐGTS thì việc duy trì thẻ đó, một mặt gây khó khăn cho công tác quản lý của Sở Tư pháp, mặt khác nó không có ý nghĩa cho ĐGV.

Hai là, bên cạnh báo cáo về danh sách ĐGV, DN đấu giá còn có nghĩa vụ báo cáo cho Sở Tư pháp về tổ chức và hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu. DN phải thực hiện quá nhiều thủ tục hành chính trong khi nội dung của các thủ tục này là như nhau và đều phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước.

Ba là, DN ĐGTS còn có nghĩa vụ đề nghị Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở thu hồi Thẻ ĐGV¹³. Trong khi, quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ ĐGV không cần phải có đề nghị của DN ĐGTS.

Thứ ba, DN ĐGTS có nghĩa vụ báo cáo Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở danh sách ĐGV đang hành nghề, người tập sự hành nghề đấu giá tại DN¹⁴. Đặt ra nghĩa vụ báo cáo danh sách người tập sự tại DN đấu giá nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung là không cần thiết, gây rườm rà về thủ tục hành chính cho DN.

4.2.2 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người có tài sản đấu giá

4.2.2.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, DN ĐGTS có quyền cung cấp dịch vụ ĐGTS cho người có tài sản đấu giá¹⁵. Cung cấp dịch vụ ĐGTS là quyền của DN nhưng các quy định về trình tự, thủ tục DN phải thực hiện để tổ chức đấu giá lại mang tính bắt buộc.

Thứ hai, LĐGTS không quy định các nội dung bắt buộc phải có trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS. Nhưng việc có đưa các thông tin về tài sản vào

¹¹ Điểm g khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

¹² Điểm h khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

¹³ Điểm h khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

¹⁴ Điểm k khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

¹⁵ Điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

hợp đồng dịch vụ ĐGTS hay không lại là căn cứ để xác định trách nhiệm của DN đấu giá và người có tài sản đấu giá.

Thứ ba, DN ĐGTS có quyền xác định giá khởi điểm khi bán đấu giá tài sản tự nguyện được chủ sở hữu lựa chọn bán thông qua đấu giá theo ủy quyền của người có tài sản đấu giá¹⁶. Trong Chương trình đào tạo nghề đấu giá được ban hành kèm theo Quyết định số 1187/QĐ-HVTP ngày 14/9/2017 của Giám đốc Học viện Tư pháp¹⁷, ĐGV hoàn toàn không có kỹ năng xác định giá khởi điểm đối với tài sản đấu giá.

4.2.2.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, DN ĐGTS thực hiện việc ĐGTS theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại LĐGTS và chịu trách nhiệm về kết quả ĐGTS. Vô hình trung, LĐGTS đã xây dựng một khuôn mẫu cho quy trình đấu giá, DN ĐGTS/ĐGV dù có ý tưởng sáng tạo cũng khó có thể vận dụng vào quy trình “mẫu” này.

Thứ hai, về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của DN ĐGTS đối với người có tài sản đấu giá. Điều 69, Điều 70 LĐGTS năm 2016 quy định cả ĐGV, DN ĐGTS, cá nhân, tổ chức có liên quan cũng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Những quy định này dẫn đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của DN ĐGTS chưa được xác định rõ ràng.

4.2.3 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người tham gia đấu giá

4.2.3.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, DN ĐGTS đóng vai trò là bên cung ứng dịch vụ môi giới, người tham gia đấu giá là bên sử dụng dịch vụ này. Tuy nhiên, DN ĐGTS hoàn toàn không có quyền được nhận bất kỳ khoản thanh toán nào từ người tham gia đấu giá, ngay cả trong trường hợp người tham gia đấu giá là người trúng đấu giá và mua được tài sản đấu giá.

Thứ hai, đối với tiền đặt trước, nếu người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá, thì bị coi là vi phạm hợp đồng, khoản tiền đặt trước thuộc về người có tài sản đấu giá¹⁸. Trong khi đó, hành vi của người tham gia đấu giá/người trúng đấu giá là vi phạm hợp đồng với DN ĐGTS.

4.2.3.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

DN ĐGTS có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử khi kết quả ĐGTS bị hủy thì Tòa án chỉ quan tâm đến hậu quả pháp lý là các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, còn trách nhiệm bồi thường của bên có lỗi, đặc biệt là trách nhiệm bồi thường cho

¹⁶ Điểm g khoản 1 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

¹⁷ Học viện Tư pháp (2017). *Quyết định ban hành Chương trình chi tiết đào tạo nghề đấu giá*, [<http://hocvientuphap.edu.vn/daotao/Pages/chuong-trinh-dao-tao.aspx?ItemID=7>] (truy cập ngày 12/7/2021)

¹⁸ Khoản 8 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

người mua được tài sản, Tòa án lại không giải quyết ngay trong vụ án đó mà tách thành một vụ tranh chấp khác. Khi đó, bên bị thiệt hại lại phải khởi kiện bằng vụ án khác, gây mất thời gian và tạo tâm lý tiêu cực cho người mua được tài sản. Điều này được chứng minh qua vụ việc thực tế được giải quyết theo Bản án số 105/2017/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

4.3 TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

4.3.1 Xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP chưa dự liệu được hết các chủ thể thực hiện hành vi lập danh sách không về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá, lập hồ sơ không, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán ĐGTS mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4.3.2 Trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì pháp nhân thương mại không phải là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự đối với tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS.

Thứ hai, các hành vi thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả ĐGTS, cũng có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không kém so với hành vi thông đồng đim giá hoặc nâng giá, tuy nhiên, hiện nay DN ĐGTS chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi này.

4.3.3 Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, DN ĐGTS đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động và ngừng hoạt động 01 mà không thông báo với Sở Tư pháp nơi DN đăng ký hoạt động thì DN bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Tuy nhiên, việc đưa trường hợp này vào các trường hợp DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động là chưa đủ sức thuyết phục.

Mặt khác, nếu DN đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động nhưng không hoạt động thì lại không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Điều này thật vô lý.

Thứ hai, DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không gửi báo cáo cho Sở Tư pháp về tổ chức, hoạt động của DN hoặc chi nhánh DN (nếu có) hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu mà tái phạm. Quy định này của LĐGTS là chưa rõ ràng và sẽ gây khó khăn cho công tác áp dụng pháp luật trên thực tế.

Bên cạnh đó, quy định tại khoản 1 Điều 32 LĐGTS hoàn toàn không có căn cứ pháp lý để xử lý bằng hình thức thu hồi Giấy đăng ký hoạt

động của DN trong trường hợp DN có hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy đăng ký hoạt động của DN, chi nhánh của DN ĐGTS. Vấn đề này đã được NCS đề cập và đã có đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 ở mục 3.5.9.

4.4 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

4.4.1 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong thiết lập cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

Thứ nhất, LĐGTS cần bổ sung quy định về thư ký nghiệp vụ đấu giá như kinh nghiệm từ quy định của dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi, bổ sung). Theo đó, bổ sung vào sau Điều 19 LĐGTS hiện hành quy định về nhiệm vụ và tiêu chuẩn đối với thư ký nghiệp vụ đấu giá như sau:

“Điều 19a. Thư ký nghiệp vụ đấu giá

Thư ký nghiệp vụ đấu giá có nhiệm vụ giúp đấu giá viên thực hiện nghiệp vụ về đấu giá theo quy định. Thư ký nghiệp vụ đấu giá có các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Luật này”.

Thứ hai, đối với DNĐGTN, có thể tiếp tục duy trì điều kiện người thành lập DN đấu giá là ĐGV, đồng thời là người chịu trách nhiệm vô hạn về mọi hoạt động của DN, nhưng việc ĐGV tự mình hoặc thuê người khác đảm nhận chức vụ Giám đốc DNĐGTN nên được ghi nhận là quyền của DN.

Thứ ba, đối với CTĐGHD:

Một là, vấn đề cần thiết hiện nay là phải có những đổi mới mang tính đột phá trong các quy định pháp luật DN về loại hình CTHD. Trước mắt là CTHD thông thường và CTHD hữu hạn. Từ đó, DN ĐGTS, bên cạnh DNTN còn có thể lựa chọn thành lập, tổ chức và hoạt động theo các loại hình CTHD đa dạng.

Hai là, về cơ cấu tổ chức quản lý đối với hai loại hình CTHD. Pháp luật Việt Nam nên bãi bỏ quy định về HĐTV. Tức là, trong CTHD thông thường và CTHD hữu hạn, TVHD đều nắm quyền điều hành và quản lý công ty. Công ty không cần phải có HĐTV.

Ba là, LDN của Việt Nam nên mở rộng ghi nhận quyền thỏa thuận của TVHD trong việc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CTHD.

Đối với CTĐGHD, giữ lại điều kiện “CTĐGHD có một thành viên là đấu giá viên” là cần thiết trong bối cảnh ĐGTS ở Việt Nam hiện nay, nhưng quy định “Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của CTĐGHD là đấu giá viên” là không cần thiết.

Tóm lại, điểm a khoản 3 Điều 23 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi như sau: “a) Doanh nghiệp đấu giá tư nhân có chủ doanh nghiệp là đấu giá viên; Công ty đấu giá hợp danh có ít nhất một thành viên hợp danh là đấu giá viên”.

4.4.2 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản đối với đấu giá viên

Thứ nhất, vấn đề nhận tập sự và phân công ĐGV hướng dẫn tập sự.

Một, bổ sung điều kiện nhận tập sự của tổ chức ĐGTS:

“Điều 13a. Điều kiện nhận tập sự hành nghề đấu giá

1. Có đấu giá viên đáp ứng điều kiện hướng dẫn tập sự.

2. Có cơ sở vật chất đảm bảo cho việc tập sự”.

Bên cạnh đó, bổ sung điều kiện hướng dẫn tập sự đối với ĐGV:

“Điều 13b. Điều kiện hướng dẫn tập sự hành nghề đấu giá

1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm hành nghề đấu giá.

2. Đấu giá viên bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề đấu giá thì sau 12 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định kỷ luật, quyết định xử phạt vi phạm hành chính mới được hướng dẫn tập sự hành nghề đấu giá;

3. Tại cùng một thời điểm, một đấu giá viên không được hướng dẫn nhiều hơn hai người tập sự”.

Hai, khi Việt Nam đã thành lập cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS, pháp luật nên giao việc quản lý việc tập sự hành nghề đấu giá về cho cơ quan đó như kinh nghiệm của pháp luật các nước.

Ba, LĐGTS cũng cần có quy định dự liệu trường hợp người có nhu cầu tập sự hành nghề đấu giá nhưng họ không liên hệ được với bất kỳ tổ chức ĐGTS nào để được nhận tập sự thì Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS), với vai trò quản lý, có thể can thiệp, hỗ trợ người tập sự tìm được tổ chức ĐGTS nhận tập sự.

Thứ hai, bên cạnh bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của ĐGV, LĐGTS cần bổ sung thêm quy định thiết lập “*Quỹ dự phòng đấu giá tài sản*”. Quỹ này được hình thành từ nguồn thu khi cấp Thẻ ĐGV theo đề nghị của tổ chức ĐGST (cả Trung tâm dịch vụ ĐGTS và DN ĐGTS).

4.4.3 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với Nhà nước

Thứ nhất, vấn đề cần thiết là phải hợp nhất Sổ theo dõi tài sản đấu giá và Sổ đăng ký đấu giá tài sản thành một loại sổ duy nhất với tên gọi là “Sổ theo dõi đấu giá tài sản”.

Thứ hai, khoản 3 Điều 14 LĐGTS năm 2016 nên được bổ sung như sau: “*3. Người có Chứng chỉ hành nghề đấu giá được Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên theo đề nghị của tổ chức đấu giá tài sản nơi người đó hành nghề. Thẻ đấu giá viên bị thu hồi khi người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định tại Điều 16 của Luật này hoặc không còn hành nghề tại tổ chức đấu giá tài sản*”.

Điều 5 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP, bên cạnh thủ tục thu hồi thẻ ĐGV trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá như quy định hiện hành, cần bổ sung thêm thủ tục thu hồi thẻ ĐGV trong trường hợp ĐGV không còn hành nghề tại tổ chức ĐGTS.

Thứ ba, điểm k khoản 2 Điều 24 LĐGTS năm 2016 cần bãi bỏ nghĩa vụ báo cáo danh sách ĐGV đang hành nghề tại tổ chức ĐGTS và nghĩa vụ báo cáo danh sách người tập sự hành nghề đấu giá của tổ chức ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng.

4.4.4 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người có tài sản đấu giá

Thứ nhất, cần bổ sung vào trước điểm a khoản 2 Điều 24 LĐGTS năm 2016 nghĩa vụ *“kiểm tra các thông tin, giấy tờ có liên quan đến tài sản đấu giá của tổ chức đấu giá tài sản”*. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 33 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi như sau: *“3. Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm kiểm tra thông tin về quyền được bán tài sản do người có tài sản đấu giá cung cấp. Tổ chức đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá, trừ trường hợp tổ chức đấu giá tài sản không thông báo đầy đủ, chính xác cho người tham gia đấu giá những thông tin cần thiết có liên quan đến giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá theo cung cấp của người có tài sản đấu giá”*.

Thứ hai, Chương trình đào tạo nghề đấu giá cần được thiết kế dành một tỷ lệ nhất định đào tạo nghiệp vụ đấu giá (trong đó có nghiệp vụ xác định giá khởi điểm) đối với tài sản tự nguyện đấu giá.

Thứ ba, không nhất thiết phải nhất thể hóa trình tự, thủ tục đấu giá đối với cả hai loại tài sản: tài sản pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá và tài sản chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán đấu giá. Có thể lựa chọn một trong hai phương hướng sau:

Hướng thứ nhất: Loại khỏi LĐGTS các quy định về trình tự, thủ tục đấu giá đối với tài sản bắt buộc phải bán thông qua đấu giá, chuyển về quy định trong văn bản pháp luật chuyên ngành đối với từng tài sản cụ thể. LĐGTS chỉ điều chỉnh đối với hoạt động ĐGTS tự nguyện. Việc tiến hành đấu giá do DN đấu giá thông qua ĐGV thực hiện trên cơ sở các thỏa thuận với người có tài sản đấu giá trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS. LĐGTS không quy định cứng nhắc về trình tự, thủ tục đấu giá đối với loại tài sản này.

Hướng thứ hai: LĐGTS điều chỉnh hoạt động đấu giá đối với cả tài sản bắt buộc và tài sản tự nguyện bán thông qua đấu giá. Trình tự, thủ tục đấu giá chỉ quy định đối với tài sản bắt buộc phải bán thông qua đấu giá. Tài sản tự nguyện được đấu giá theo trình tự, thủ tục mà DN đấu giá và ĐGV lựa chọn, sao cho đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người có tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS.

Thứ tư, dù lựa chọn hướng sửa đổi nào trong hai phương hướng trên, pháp luật cũng cần loại bỏ các quy định về hình thức, phương thức đấu giá.

Thứ năm, LĐGTS năm 2016 rất cần thiết phải bổ sung một Điều (Điều 20a) quy định về trách nhiệm bồi thường của tổ chức ĐGTS và trách nhiệm bồi hoàn của ĐGV, nhân viên gây thiệt hại. Cụ thể:

“Điều 20a. Bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động đấu giá tài sản

1. Tổ chức đấu giá tài sản phải bồi thường thiệt hại cho người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá và cá nhân, tổ chức khác do lỗi mà đấu giá viên, nhân viên của tổ chức mình gây ra trong quá trình thực hiện đấu giá tài sản.

2. Đấu giá viên, nhân viên gây thiệt hại phải hoàn trả lại một khoản tiền cho tổ chức đấu giá tài sản đã chi trả khoản tiền bồi cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật; trường hợp không hoàn trả thì tổ chức đấu giá tài sản có quyền yêu cầu tòa án giải quyết”.

Đồng thời, điểm đ khoản 2 Điều 24 LĐGTS năm 2016 được sửa đổi, bổ sung như sau: “đ) Bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định tại Điều 20a Luật này”.

4.4.5 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người tham gia đấu giá

Một là, pháp luật Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới, ghi nhận quyền nhận thù lao của DN ĐGTS đối với người tham gia đấu giá. “Về vấn đề này, pháp luật của một số nước như Đức, Anh, Trung Quốc,... đều quy định nếu các bên không có thỏa thuận thì mức thù lao mà mỗi bên tham gia hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải thanh toán cho DN đấu giá là khoản tiền không vượt quá 5% giá đấu giá thành theo nguyên tắc tỷ lệ thù lao tỷ lệ nghịch với giá đấu giá thành”¹⁹. LĐGTS của Việt Nam có thể kế thừa nguyên tắc này nhằm đảm bảo quyền lợi cho DN ĐGTS.

Hai là, khoản 8 Điều 39 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “8. Tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều này thuộc về tổ chức đấu giá tài sản”.

Ba là, rất cần thiết phải có một án lệ hoặc văn bản hướng dẫn xét xử thống nhất của Tòa án nhân dân tối cao về vấn đề xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi kết quả đấu giá tài sản bị hủy. Có như vậy, khi kết quả ĐGTS bị hủy, quyền, lợi ích hợp pháp của bên bị thiệt hại cũng như trách nhiệm của bên có lỗi mới được giải quyết nhanh chóng và thấu đáo.

4.4.6 Về trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP nên được sửa đổi, bổ sung và tách thành 2 điểm:

“2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

¹⁹ Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa (2016). Nhận diện và điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (16(320)), [<http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tichitiep.aspx?tintucid=208637>] (truy cập ngày 06/8/2023)

a) *Lập danh sách không về người đăng ký tham gia đấu giá hoặc lập hồ sơ không hoặc lập hồ sơ giả tham gia đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;*

b) *Thông đồng đùm giã hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá tài sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”.*

Điều a khoản 5 Điều 23 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP nên được sửa đổi, bổ sung như sau: “a) *Hủy kết quả đấu giá tài sản nếu tài sản đấu giá là tài sản công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là người trúng đấu giá; điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp người tham gia đấu giá trong danh sách không, hồ sơ không, hồ sơ giả là người trúng đấu giá; điểm b khoản 2 Điều này dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản; điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này;”*

Thứ hai, mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại đối với tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS trong Bộ luật Hình sự là vấn đề cần thiết và phù hợp với thực tiễn ĐGTS ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, bổ sung điểm d vào khoản 1 điều 218 Bộ luật Hình sự năm 2015 với nội dung như sau: “d. *Thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản”.*

Thứ ba, LĐGTS cần bổ sung thêm một Điều quy định về việc tạm ngừng hoạt động DN ĐGTS như sau:

“Tạm ngừng hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản

1. *Doanh nghiệp đấu giá tài sản bị tạm ngừng hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Luật này;*

2. *Doanh nghiệp đấu giá tài sản có quyền tạm ngừng hoạt động nhưng phải thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng và tiếp tục hoạt động với Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện, chậm nhất là mười ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động. Thời gian tạm ngừng hoạt động không quá một năm.*

3. *Doanh nghiệp đấu giá tài sản tạm ngừng và tiếp tục hoạt động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đặt trụ sở, công bố thời điểm tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.*

4. *Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động có những nội dung chính sau đây:*

- a) Tên doanh nghiệp đấu giá tài sản;
- b) Số, ngày, tháng, năm cấp Giấy đăng ký hoạt động;
- c) Địa chỉ trụ sở;
- d) Thời gian tạm ngừng hoạt động;
- đ) Lý do tạm ngừng hoạt động;
- e) Báo cáo về việc thanh toán nợ, giải quyết các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký với khách hàng và hợp đồng lao động đã ký với đấu giá viên, nhân viên của doanh nghiệp.

5. Trong thời gian tạm ngừng hoạt động, doanh nghiệp đấu giá tài sản phải nộp đủ số thuế còn nợ, tiếp tục thanh toán các khoản nợ khác, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đối với hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký với khách hàng nhưng chưa thực hiện xong thì phải thỏa thuận với khách hàng về việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đó.

6. Trường hợp doanh nghiệp đấu giá tài sản tạm ngừng hoạt động thì chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đó cũng phải tạm ngừng hoạt động.”

Tạm thời hiện nay khi Việt Nam chưa thành lập cơ quan chuyên môn để quản lý các DN ĐGTS, nên việc thông báo về việc tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của DN ĐGTS sẽ thực hiện với Sở Tư pháp. Khi đã có cơ quan chuyên môn (cụ thể như đã đề xuất là Ủy ban đấu giá tài sản) thì trách nhiệm thông báo này DN ĐGTS phải thực hiện với cơ quan chuyên môn đó.

Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP cần bổ sung thêm các hành vi:

- 1) “*thông báo không đúng hạn về việc tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản*” vào khoản 1; 2) “*không thông báo về việc tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản*” vào khoản 2.

Song song đó, về phía LDGTS, cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định tại khoản 1 Điều 32 LDGTS về các trường hợp DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Cụ thể là:

Một, điểm c khoản 1 Điều 32 LDGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “c) *Không hoạt động trở lại mà không có thông báo về việc tiếp tục tạm ngừng hoạt động, kể từ ngày hết thời hạn tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật và thông báo tạm ngừng hoạt động*”.

Hai, bổ sung vào khoản 1 Điều 32 LDGTS năm 2016 điểm b1 như sau: “b1) *Hết thời hạn sáu tháng kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động mà doanh nghiệp đấu giá tài sản chưa bắt đầu hoạt động*”.

Thứ ba, điểm d khoản 1 Điều 32 LDGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “d) *Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không gửi báo cáo được quy định tại điểm l khoản 2 Điều 24 của Luật*

này mà tái phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”.

PHÂN KẾT LUẬN

1. Qua quá trình tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến đề tài “Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đầu giá tài sản”, một lần nữa, NCS có thể khẳng định đề tài của Luận án là hoàn toàn mới, không trùng lặp với bất kỳ công trình nghiên cứu nào đã được công bố.

2. Luận án đã phân tích chuyên sâu một số vấn đề lý luận về DN ĐGTS. Từ đó, thấy được vị trí, vai trò, đặc điểm của DN này trong nền kinh tế thị trường, thấy được những khác biệt lớn trong quan điểm, thái độ, sự nhìn nhận của nhà làm luật cũng như các bên liên quan đối với DN ĐGTS ở Việt Nam so với các nước trên thế giới. Đặc biệt, Luận án phân tích chuyên sâu các vấn đề lý luận về quy chế pháp lý về DN ĐGTS, tập hợp và định vị hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN này trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đồng thời Luận án nhận diện các cơ sở khoa học làm nền tảng cho các đề xuất của NCS trong sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về DN ĐGTS, từ điều kiện thành lập đến quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN.

3. Đề có tư cách pháp lý là một chủ thể kinh doanh nói chung, tổ chức được cung ứng dịch vụ ĐGTS trên thị trường nói riêng, DN ĐGTS phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện nào. Vấn đề này đã được Luận án hệ thống hóa và phân tích chuyên sâu, trên cơ sở so sánh với pháp luật của một số nước có hoạt động ĐGTS phát triển sôi nổi với hàng loạt DN ĐGTS nổi tiếng trên thế giới. Từ đó, Luận án khẳng định pháp luật đặt ra điều kiện để DN được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS là cần thiết. Có những điều kiện được quy định phù hợp, mặc dù khác biệt với pháp luật các nước trên thế giới, nhưng phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội nói chung, thị trường ĐGTS ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, một số điều kiện mà pháp luật hiện hành quy định đối với DN ĐGTS đã can thiệp quá sâu vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN, vấn đề mà vốn dĩ do thị trường quyết định: điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của DN. Hơn nữa, những điều kiện đó chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và có nhiều khác biệt với pháp luật các nước trên thế giới. Pháp luật yêu cầu người thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV là có cơ sở, phù hợp với thực trạng DN ĐGTS ở Việt Nam. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn ĐGV mà pháp luật quy định hiện chưa đáp ứng yêu cầu của hoạt động ĐGTS, chưa phát huy được vai trò, tính linh hoạt của ĐGV. Bên cạnh đó, những hạn chế trong các quy định về tên DN ĐGTS cũng như chỉ dẫn để giúp người thành lập DN ĐGTS tra cứu tên DN để tránh đặt tên DN bị trùng hoặc gây nhầm lẫn với các DN ĐGTS khác cũng được phân tích chỉ ra trong Luận án. Các quy

phạm pháp luật về chế tài liên quan đến điều kiện thành lập DN ĐGTS đôi khi chưa thống nhất với pháp luật về DN, chưa tạo được sự bình đẳng giữa chế tài đối với DN ĐGTS và chế tài đối với các DN khác.

4. Khi DN ĐGTS được thành lập hợp pháp, DN chính thức gia nhập thị trường kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh, DN được pháp luật ghi nhận các quyền và nghĩa vụ chung như các DN khác, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với ngành, nghề kinh doanh đặc thù của DN. Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, các quyền và nghĩa vụ đặc trưng của DN ĐGTS cũng đã được phân tích chuyên sâu trong Luận án. Các phân tích được đặt trong mối tương quan so sánh với pháp luật các nước trên thế giới cũng như với các học thuyết, lý thuyết đã được lựa chọn. Từ đó, Luận án khẳng định các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS làm hạn chế tính linh hoạt của ĐGTS, chưa tận dụng được vai trò của DN đầu giá nói chung, ĐGV nói riêng, và hơn hết là kết quả từ lý thuyết đầu giá đã được nghiên cứu bởi các học giả nổi tiếng trên thế giới. Chính những lý do này đã làm cho hoạt động ĐGTS của DN đầu giá ở Việt Nam khác biệt, chưa hiệu quả và chưa tạo được sự tin cậy của các bên có liên quan, so với các DN đầu giá đang hoạt động trên thế giới. Hơn nữa, cơ chế điều chỉnh của pháp luật hiện nay cũng chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc để xác định trách nhiệm của DN ĐGTS khi kết quả ĐGTS bị hủy từ thực tiễn xét xử. Một số nghĩa vụ gây rườm rà, mang nặng thủ tục hành chính, cản trở quá trình hoạt động kinh doanh của DN, cần được định hướng sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Bên cạnh can thiệp điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS, để ngăn chặn, phòng ngừa các tiêu cực từ hoạt động kinh doanh của DN, pháp luật còn quy định các biện pháp chế tài đối với DN. Tuy nhiên, các chế tài này chưa được quy định đầy đủ, toàn diện, chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc, chưa đủ sức thuyết phục và tính răn đe.

5. Trên cơ sở các phân tích và chỉ ra các bất cập, hạn chế, chưa thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS, từ điều kiện thành lập đến quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đặt trong mối tương quan so sánh với pháp luật các nước trên thế giới, NCS đã đưa ra những đề xuất, giải pháp định hướng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật đó nói riêng, hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, đồng thời định hướng cho quá trình hội nhập quốc tế của DN ĐGTS. Vấn đề quan trọng và cấp thiết nhất hiện nay là thành lập ngay một Hiệp hội ĐGV. Hiệp hội này sẽ bao gồm các chuyên gia đầu giá, có thể tính đến việc thuê chuyên gia nước ngoài để có thể tiếp cận với những quan điểm mới về ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Hiệp hội ĐGV sẽ đảm nhận xây dựng chương trình, đào tạo nghề đầu giá, cấp phép và quản lý đối với ĐGV, tổ chức ĐGTS.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Ngô Thị Phương Thảo (2018). Vấn đề đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (11/2018), trang 60-65.

2. Ngô Thị Phương Thảo (2018). Xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản thế chấp thông qua phương thức đấu giá, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (12 (321)), trang 34-38.

3. Ngo Thi Phuong Thao, Nguyen Ngoc Dien (2022). Conditions for establishing a property auction enterprise – comparing the law of Vietnam and the law of France and China. *International Conference on Business and Finance*, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 25-26/8/2022, trang 206-225.

4. Ngô Thị Phương Thảo (2023). Tiêu chuẩn đấu giá viên theo pháp luật Việt Nam – So sánh với pháp luật của Pháp và Trung Quốc, *Tạp chí Luật học*, (5 (276)), trang 91-106.

5. Ngo Thi Phuong Thao (2023). Organizational structure of auction enterprise according to Vietnamese law. *Proceedings of The International Conference on Management and Business 2023 (COMB 2023)*, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, 25/8/2023, trang 1044-1058.

6. Ngô Thị Phương Thảo (2023). Quyền điều hành kinh doanh của thành viên hợp danh trong công ti đấu giá hợp danh theo pháp luật Việt Nam trong tương quan so sánh với pháp luật của Pháp và Nhật Bản, *Tạp chí Luật học*, (10), trang 81-95.